

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG HACCP ĐỐI VỚI NGÀNH CHẾ BIẾN THỦY SẢN VIỆT NAM

TH.S. NGUYỄN THỊ HIẾN

Trường đại học Thủy sản Nha Trang

Trong xu thế hội nhập, chất lượng sản phẩm là nhân tố hàng đầu đảm bảo khả năng cạnh tranh của hàng hoá. Để nâng cao chất lượng sản phẩm việc xác định mô hình quản lý chất lượng phù hợp với các doanh nghiệp là hết sức quan trọng. HACCP là hệ thống quản lý chất lượng và khoa học, được sử dụng riêng trong ngành chế biến thực phẩm nói chung và ngành chế biến thủy sản nói riêng.

1. HACCP và tình hình áp dụng trên thế giới

HACCP (phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn- Hazard Analysis Critical Control Point) là hệ thống quản lý chất lượng mang tính chất phòng ngừa dựa trên phân tích mối nguy và tập trung kiểm soát các mối nguy đáng kể tại các điểm kiểm soát tới hạn. HACCP là hệ thống có cơ sở khoa học và có tính hệ thống, và đã được đưa vào bộ luật thực phẩm của FAO/WHO. HACCP không phải là cách tiếp cận mới, từ những năm 70 đã xuất hiện khái niệm HACCP trong những quy định về thực phẩm đóng hộp có nồng độ acid thấp được phổ biến khắp thế giới. Thành công trong việc làm giảm những mối nguy hiểm liên quan tới độc tố của vi khuẩn C.Botulinum đã đặt cơ sở cho áp dụng hệ thống HACCP đối với các loại thực phẩm khác, và HACCP đã trở thành một bộ tiêu chuẩn quốc tế hàng đầu về an toàn thực phẩm và đặt nền móng cho sự thống nhất quốc tế và các luật lệ và quy định đối với thực phẩm. Liên Minh Châu Âu áp dụng HACCP thông qua chỉ thị 93/43/EEC về vệ sinh thực phẩm. Riêng đối với ngành thủy sản HACCP được đưa vào thông qua chỉ thị 91/493/EEC của Hội đồng châu Âu ngày 22/7/1991, Quyết định 94/356/EC của Ủy ban châu Âu ngày 20/5/1994 Các quy định đó được áp dụng đối với các nhà sản xuất của EU và hàng nhập khẩu từ các nước thứ 3. Thời hạn cho việc áp dụng chỉ thị và quyết

định nói trên phụ thuộc vào quy định cụ thể của EU đối với mỗi nước. Ngành công nghiệp thực phẩm và chính phủ của các nước EU đã cùng xúc tiến triển khai thực hiện HACCP. Đối với các nước nhập khẩu EU, tính đến tháng 4 năm 1997 có 27 nước ký hiệp định với EU thực hiện chỉ thị 91/493/EEC và quyết định 94/356/EC về sản xuất và kiểm soát hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất khẩu theo HACCP. Ngoài ra còn có 26 nước đã cam kết với uỷ ban châu Âu về các điều kiện ít nhất là tương đương với quy định của chỉ thị 91/493/EEC và đang trong tiến trình thương lượng hiệp định cụ thể, trong đó có Việt Nam. Đối với Mỹ quy định bắt buộc áp dụng HACCP đối với hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản của Mỹ sẽ có hiệu lực từ ngày 18/12/1997. Các quy định này áp dụng cho cả hàng xuất khẩu trong nước và hàng nhập khẩu. Có nhiều nước như Úc, Brazil, Thái Lan, Ma rốc, Newzerland đã thông qua các quy định dựa trên HACCP.

2. Áp dụng HACCP Việt Nam

Từ năm 2001 Việt Nam đã quy định các doanh nghiệp chế biến thủy sản phải áp dụng HACCP nhưng trong thực tế chưa đủ điều kiện để thực hiện quy định này. Tuy nhiên trước áp lực của thị trường thế giới, khá nhiều doanh nghiệp chế biến thủy sản của nước ta đã nhận thức được lợi ích và tính tất yếu của việc áp dụng HACCP trong công tác quản lý chất lượng để tăng hiệu quả và khả

(Xem tiếp trang 56)

Bảng: Cơ cấu các doanh nghiệp chế biến thủy sản đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào EU tính đến thời điểm 1/2/2002

Loại hình doanh nghiệp	Số lượng	Tỷ trọng (%)
1. Doanh nghiệp Nhà nước	39	57,3
2. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong đó :	29	42,7
- công ty TNHH và DNTN	21	30,9
- công ty cổ phần	5	7,3
- Công ty liên doanh và 100% vốn nước ngoài	3	4,5
Tổng số doanh nghiệp	68	100

thể lợi ích của họ. Nhưng kết quả này ngược với những dự đoán của lý thuyết tối đa hoá lợi ích kỳ vọng.

Không thoả mãn với việc phê phán những lý thuyết chuẩn mực về việc ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn, Kahneman và Tversky cũng đưa ra một lý thuyết thay thế, gọi là *lý thuyết triển vọng* nhằm mục đích giải thích những quan sát từ kinh nghiệm. Lý thuyết triển vọng và sự mở rộng của nó có thể sử dụng để giải thích khuynh hướng hành vi mà trong các lý thuyết truyền thống thường xem là bất thường: khuynh hướng sử dụng dịch vụ bảo hiểm quy mô nhỏ nhưng đắt tiền cho các thiết bị, việc sẵn sàng đi rất xa để có được mức giảm giá không đáng kể cho hàng hoá rẻ tiền, nhưng lại ngại làm như vậy để tiết kiệm với mức tương đương với các hàng hoá đắt tiền; hoặc việc không muốn cắt giảm chi tiêu khi nhận được thông tin xấu về thu nhập trong cả cuộc đời.

Hai lĩnh vực nghiên cứu đang hợp nhất

Nghiên cứu hiện đại trong ranh giới giữa tâm lý học và kinh tế học đã chỉ ra rằng những khái niệm như tính hợp lý hạn chế, tính tự lợi hạn chế và mức tự chủ hạn chế là những yếu tố quan trọng bên trong một loạt các hiện tượng kinh tế. Các ứng dụng trong tâm lý học đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với những biến chuyển hiện nay trong kinh tế học về tài chính. Vậy thì tại sao những ý tưởng đó phải rất lâu mới được các nghiên cứu kinh tế công nhận. Một lý giải là các phương pháp thí nghiệm chỉ gần đây mới tiếp

cận với kinh tế học. Do kết quả của các nghiên cứu thí nghiệm về mối quan hệ giữa việc hình thành giá cả và thể chế thị trường, rất nhiều nhà kinh tế hiện nay đã bắt đầu đánh giá phương pháp thí nghiệm là một công cụ nghiên cứu cần thiết. Ngày nay, một thế hệ các nhà kinh tế mới đang là chất xúc tác đẩy nhanh việc hợp nhất từng bước hai lĩnh vực trước đây khá riêng biệt: kinh tế học thí nghiệm và kinh tế học tâm lý. Daniel Kahneman và Vernon Smith đã đóng góp vào việc đổi mới trong nghiên cứu kinh tế.

Vài nét về những người đoạt giải

Daniel Kahneman, sinh 1934 tại Tel Aviv, Israel. Cử nhân xã hội tại trường Đại học Hebrew, Jerusalem, Israel (1954), Tiến sĩ tại trường Đại học California Berkeley, Hoa Kỳ (1961). Hiện nay là giáo sư Khoa Tâm lý học và Giáo sư Quan hệ quốc tế tại Đại học Princeton, Hoa Kỳ.

Website: www.princeton.edu/~psychSite/fackahneman.html

Vernon L. Smith, sinh năm 1927 tại Mỹ. Cử nhân tại Viện Công nghệ California (1949), Thạc sĩ tại trường Đại học Kansas (1951) và Tiến sĩ Đại học Harvard (1955). Hiện nay là giáo sư kinh tế và Luật tại trường Đại học George Mason, Mỹ.

Website: www.gmu.edu/departments/economics/faculty-bios/smith.html

* Nguồn tài liệu: Từ một số báo nước ngoài.

(Tiếp theo trang 53)

Hệ thống quản lý chất lượng...

năng cạnh tranh trong kinh doanh. Hiện nay đã có nhiều doanh nghiệp chế biến thủy sản triển khai áp dụng hệ thống HACCP. Tính đến thời điểm ngày 1/2/2002 đã có gần 90 doanh nghiệp trong tổng số hơn 267 doanh nghiệp chế biến thủy sản đã áp dụng HACCP trong đó có 68 doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn HACCP của Châu Âu (khoảng 25,5% tổng số doanh nghiệp chế biến thủy sản). Cơ cấu các doanh nghiệp áp dụng HACCP theo thành phần kinh tế như sau. (xem bảng)

Trong số các doanh nghiệp áp dụng HACCP đủ tiêu chuẩn của EU chủ yếu vẫn là các doanh nghiệp Nhà nước (57,3%). Tiếp đến là loại hình công ty TNHH và doanh nghiệp tư nhân (30,9%). Các DNNN và những đơn vị đi đầu trong công tác đổi mới quản lý chất lượng của ngành chế biến thủy sản cả nước.

Nhìn chung các doanh nghiệp sau khi áp

dụng quản lý chất lượng HACCP chất lượng sản phẩm được nâng lên đạt yêu cầu về tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm của các nước, nâng thêm uy tín của doanh nghiệp và tạo được niềm tin đối với khách hàng. Các doanh nghiệp này đã kết hợp thành công việc nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ thấp chi phí như giảm các chi phí sửa chữa sản phẩm không phù hợp và những sản phẩm sai hỏng..., đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống.

Trong xu thế cạnh tranh quốc tế, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tương đồng về cơ chế đánh giá hoạt động của chất lượng như HACCP sẽ tạo sự tin tưởng lẫn nhau trong thương mại, đây cũng là con đường tất yếu cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam trong quá trình hội nhập và tham gia vào các thị trường tiềm năng. ■